

Số: 924 /TTYT-KD

Lục Ngạn, ngày 15 tháng 11 năm 2024

V/v: Đề nghị báo giá dịch vụ xét nghiệm
nước cho lọc thận nhân tạo (lần 2)

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 05/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-SYT ngày 19/01/2024 của Giám đốc Sở Y tế Bắc Giang về việc dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 (lần 1)

Căn cứ Quyết định số 2482/QĐ-BYT ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Bộ Y tế về việc Ban hành tài liệu hướng dẫn quy trình kỹ thuật thận nhân tạo;

Theo đề nghị của Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực – Chống độc và khoa Dược – VTTTBYT.

Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Xét nghiệm nước cho lọc thận nhân tạo của Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Đ/c Phạm Đức Thương – Trưởng Khoa Dược, vật tư TTBYT
 - Địa chỉ hộp thư điện tử của Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn: **trungtamylucngan@gmail.com.**
- Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp: Đ/c Phạm Đức Thương – Số điện thoại: 0912.524.359
- Địa chỉ: Khoa Dược - Vật tư TTBYT Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn - thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.
- Nhận qua email: **trungtamytelucngan@gmail.com.**

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Thời gian nhận báo giá từ ngày **15/11/2024** đến hết **16 giờ 30 phút ngày 25/11/2024**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Danh mục, số lượng, tính năng và các thông tin liên quan: Có bản chi tiết kèm theo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website: <http://trungtamytelucngan.com>;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Sinh

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG CỦA DỊCH VỤ

(Kèm theo công văn số /TTYT-KD ngày 111/2024 của Trung tâm Y tế huyện
Lục Ngạn)

TT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm/ thời gian thực hiện
I	Xét nghiệm nước nguồn				
1	Hàm lượng florua	Xét nghiệm nước nguồn cấp cho hệ thống RO chạy TNT gồm 25 chỉ tiêu hóa lý và vi sinh vật 6 tháng/ lần/	Mẫu	2	- Trung tâm y tế huyện Lục Ngạn - Địa chỉ: Thị trấn Chũ huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang - Thời gian thực hiện và hoàn thành dịch vụ: 12 tháng
2	Độ đục		Mẫu	2	
3	Độ pH		Mẫu	2	
4	Độ cứng, tính theo CaCO3		Mẫu	2	
5	Clorua		Mẫu	2	
6	Hàm lượng Sắt		Mẫu	2	
7	Hàm lượng mangan tổng số		Mẫu	2	
8	Hàm lượng Nitrat (NO3-)		Mẫu	2	
9	Hàm lượng Nitrit (NO2-)		Mẫu	2	
10	Hàm lượng Sulfat (SO4)		Mẫu	2	
11	Chỉ số pecmanganat		Mẫu	2	
12	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)		Mẫu	2	
13	Hàm lượng Nhôm		Mẫu	2	
14	Hàm lượng Chì		Mẫu	2	
15	Hàm lượng Natri		Mẫu	2	
16	Hàm lượng Amoni		Mẫu	2	
17	Hàm lượng Asen		Mẫu	2	
18	Hàm lượng Thủy ngân		Mẫu	2	
19	Hàm lượng Cadimi		Mẫu	2	
20	Hàm lượng Crom tổng số		Mẫu	2	
21	Hàm lượng Đồng tổng số		Mẫu	2	
22	Hàm lượng Niken		Mẫu	2	
23	Hàm lượng Kẽm		Mẫu	2	
24	Coliforms		Mẫu	2	
25	E.coli		Mẫu	2	
II	Xét nghiệm nước RO				
1	Magie (Mg2+)	Xét nghiệm hóa lý nước chạy TNT theo tiêu chuẩn	Mẫu	2	- Trung tâm y tế huyện Lục Ngạn - Địa chỉ: Thị trấn Chũ huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang
2	Canxi (Ca2+)		Mẫu	2	
3	Natri (Na+)		Mẫu	2	
4	Kali (K+)		Mẫu	2	
5	Hàm lượng Nitrat (NO3-)		Mẫu	2	
6	Hàm lượng Sulfat (SO4)		Mẫu	2	
7	Clo		Mẫu	2	

8	Hàm lượng Nhôm	AAMI 6 tháng/ lần/	Mẫu	2	- Thời gian thực hiện và hoàn thành dịch vụ: 12 tháng
9	Hàm lượng Chì		Mẫu	2	
10	Hàm lượng Asen		Mẫu	2	
11	Hàm lượng Florua		Mẫu	2	
12	Hàm lượng Thủy ngân		Mẫu	2	
13	Hàm lượng Antimon		Mẫu	2	
14	Hàm lượng Bari		Mẫu	2	
15	Hàm lượng Cadimi		Mẫu	2	
16	Hàm lượng Crom tổng số		Mẫu	2	
17	Hàm lượng Đồng tổng số		Mẫu	2	
18	Hàm lượng Bạc		Mẫu	2	
19	Hàm lượng Tali (Tl)		Mẫu	2	
20	Hàm lượng Beri (Be)		Mẫu	2	
21	Hàm lượng Selen		Mẫu	2	
22	Hàm lượng Kẽm		Mẫu	2	
23	Tổng số vi sinh vật	Xét nghiệm nội độc tố và vi khuẩn 3 tháng / lần x 3 mẫu x 4 lần = 12 mẫu	Mẫu	12	
24	Nồng độ Endotoxin		Mẫu	12	
III	Chi phí khác (nếu có)				

Ghi chú:

- Các đơn vị báo giá dịch vụ phải gửi kèm các giấy tờ là quyết định, cấp phép hoặc chứng nhận... về lĩnh vực xét nghiệm nước của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền còn hiệu lực.

- Kết quả trúng thầu của dịch vụ tương tự trong thời gian gần nhất không quá 12 tháng (nếu có).

- Đơn giá trên là trọn gói, đã bao gồm thuế GTGT, các loại thuế và các loại chi phí có liên quan theo quy định của Nhà nước để thực hiện gói thầu, mẫu nước để xét nghiệm được lấy trực tiếp theo định kỳ và trả kết quả xét nghiệm mà Chủ đầu tư không phải thanh toán thêm bất cứ khoản chi phí nào khác.